

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ
SỞ TƯ PHÁP

Số: 293 /STP-XD&KTVBQPPL
V/v hướng dẫn một số nội dung trong
công tác rà soát văn bản quy phạm
pháp luật

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày 2 tháng 3 năm 2021

Kính gửi:

- Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh;
- Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Ngày 18/6/2020, Quốc hội thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; ngày 31/12/2020 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 154/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi là Nghị định số 154/2020/NĐ-CP). Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021.

Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được Ủy ban nhân dân tỉnh giao đối với công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật; để tiếp tục đưa công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Trị thực hiện theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi là Nghị định số 34/2016/NĐ-CP) và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, Sở Tư pháp hướng dẫn một số nội dung trong công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật như sau:

I. Văn bản được rà soát

Văn bản được rà soát được quy định tại Điều 137 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. Theo đó, văn bản được rà soát thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp là các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân (Nghị quyết), Ủy ban nhân dân (Quyết định).

II. Trách nhiệm rà soát văn bản quy phạm pháp luật

Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện chủ trì, phối hợp với Ban pháp chế Hội đồng nhân dân và các cơ quan có liên quan

thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp có nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của cơ quan mình.

Người đứng đầu tổ chức pháp chế hoặc đơn vị được giao thực hiện công tác pháp chế ở cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan giúp Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật.

Thủ trưởng các cơ quan khác đã chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ban pháp chế Hội đồng nhân dân, Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng Phòng Tư pháp và các cơ quan liên quan thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

Theo đó, đề nghị Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan khác chỉ đạo người đứng đầu tổ chức pháp chế hoặc đơn vị được giao thực hiện công tác pháp chế ở cơ quan chủ động thực hiện nhiệm vụ rà soát văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của cơ quan mình. Phối hợp với Sở Tư pháp trong việc góp ý dự thảo và gửi báo cáo, danh mục rà soát để Sở Tư pháp theo dõi, tổng hợp.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện phối hợp với Ban pháp chế Hội đồng nhân dân và các cơ quan liên quan chủ động thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

III. Nội dung, trình tự rà soát và xử lý kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật, chế độ báo cáo

1. Tập hợp văn bản để tiến hành rà soát

Cơ quan chủ trì rà soát xác định nội dung cần rà soát liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan mình, chẳng hạn như: Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát các văn bản liên quan đến đất đai, khoáng sản...; Sở Xây dựng rà soát các văn bản liên quan đến xây dựng, kiến trúc, phát triển đô thị,...; Sở Nội vụ rà soát các văn bản liên quan đến tổ chức bộ máy, biên chế công chức, thi đua khen thưởng...

Trên cơ sở nội dung cần rà soát, tiến hành lập danh mục các văn bản cần rà soát dựa vào nguồn văn bản rà soát được quy định tại khoản 31 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, cụ thể: Bản gốc, bản chính; Văn bản đăng trên công báo in, công báo điện tử; Bản sao y, bản sao lục của cơ quan, người có thẩm quyền; Văn bản đăng trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật; Văn bản trong Tập hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố.

Các cơ quan, đơn vị lưu ý: hiện nay, các văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan Trung ương và địa phương ban hành được cập nhật thường xuyên trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật. Do đó, các cơ quan, đơn vị đăng nhập vào địa chỉ: <http://www.vbpl.vn> (Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật) để tìm kiếm các

văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương và địa phương phục vụ cho công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản.

2. Tiến hành rà soát

- Trên cơ sở danh mục được lập, cơ quan rà soát tiến hành rà soát theo 02 căn cứ theo quy định tại Điều 142 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và theo trình tự quy định tại Điều 149, Điều 150 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, khoản 32 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, gồm:

Nội dung rà soát theo căn cứ là văn bản: được quy định tại Điều 147 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP gồm: hiệu lực của văn bản, căn cứ ban hành của văn bản, thẩm quyền ban hành văn bản và nội dung của văn bản.

Nội dung rà soát theo căn cứ là tình hình phát triển kinh tế xã hội: được quy định tại Điều 148 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP gồm: Đối tượng điều chỉnh của văn bản, hình thức văn bản, nội dung của văn bản và quan hệ xã hội mới cần được điều chỉnh bằng văn bản quy phạm pháp luật.

- **Trình tự rà soát theo căn cứ là văn bản:** Thực hiện theo quy định tại Điều 149 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, khoản 32 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

- **Trình tự rà soát theo căn cứ là tình hình phát triển kinh tế - xã hội:** Thực hiện theo quy định tại Điều 150 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

3. Lập Phiếu rà soát

Người rà soát lập Phiếu rà soát theo Mẫu số 01 Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP trong trường hợp văn bản được rà soát có quy định trái, mâu thuẫn, chồng chéo với văn bản là căn cứ rà soát hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội.

Trường hợp văn bản được rà soát không có quy định trái, mâu thuẫn, chồng chéo với văn bản là căn cứ rà soát hoặc còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội thì người rà soát không lập Phiếu rà soát văn bản mà ký vào góc trên của văn bản được rà soát, ghi rõ họ tên, ngày, tháng, năm rà soát.

4. Lập hồ sơ rà soát

Sau khi thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật, người rà soát lập hồ sơ rà soát gồm các tài liệu được quy định tại Điều 152 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

Các biểu mẫu về phiếu rà soát, sổ theo dõi và các danh mục văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

5. Lấy ý kiến kết quả rà soát văn bản

Sau khi có kết quả rà soát văn bản, cơ quan rà soát gửi hồ sơ rà soát văn bản lấy ý kiến của Sở Tư pháp (đối với cấp tỉnh), Phòng Tư pháp (đối với cấp huyện) về kết quả rà soát văn bản.

6. Xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả rà soát văn bản

Trên cơ sở kết quả rà soát, cơ quan rà soát văn bản có trách nhiệm kiến nghị cơ quan ban hành văn bản quy phạm pháp luật các hình thức xử lý như bãi bỏ, thay thế, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới, đình chỉ việc thi hành hoặc ngưng hiệu lực theo quy định tại Điều 143 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

Tổ chức pháp chế, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp xã lập “Sổ theo dõi văn bản được rà soát” theo Mẫu số 02 Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

7. Công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực

Sau khi rà soát, các cơ quan chuyên môn gửi kết quả rà soát về Sở Tư pháp (đối với cấp tỉnh), Phòng Tư pháp (đối với cấp huyện). Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp tổng hợp, lấy ý kiến của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân cùng cấp về các Nghị quyết quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần; tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp công bố văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần thuộc trách nhiệm rà soát của mình.

Việc công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực thực hiện theo quy định tại Điều 157 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và khoản 34 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

8. Chế độ báo cáo

Chế độ báo cáo trong hoạt động rà soát văn bản thực hiện theo quy định tại Điều 170 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Thông tư số 03/2019/TT-BTP ngày 20/3/2019 của Bộ Tư pháp quy định một số nội dung về hoạt động thống kê của Ngành Tư pháp (sau đây gọi là Thông tư số 03/2019/TT-BTP). Trong đó, các cơ quan, đơn vị cần lưu ý một số nội dung sau:

a) Kỳ báo cáo

Báo cáo kết quả rà soát được thực hiện theo định kỳ một năm. Kỳ báo cáo được tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm. Bao gồm:

- Báo cáo năm (phục vụ tổng kết công tác tư pháp): Số liệu thực tế được lấy từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 10 hàng năm.

- Báo cáo năm chính thức: Gồm toàn bộ số liệu thực tế được thực hiện trong kỳ báo cáo (được tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm).

b) Thời hạn nhận báo cáo

Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã thành phố gửi báo cáo kết quả rà soát của cơ quan, đơn vị mình về Sở Tư pháp *trước ngày 18 tháng 11 hàng năm (đối với báo cáo năm) và trước ngày 31 tháng 01 năm sau (đối với báo cáo năm chính thức)*.

c) Nội dung báo cáo

Nội dung báo cáo thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 170 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, trong đó, các cơ quan, đơn vị cần chú ý cung cấp chính xác số liệu về: số văn bản phải rà soát; số văn bản đã được rà soát; số văn bản còn hiệu lực; số văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ; số văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần; số văn bản cần đình chỉ việc thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị mình; kết quả xử lý văn bản quy phạm pháp luật chưa xử lý xong của các kỳ rà soát trước.

Đối với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố ngoài báo cáo hàng năm về công tác rà soát theo nội dung quy định tại khoản 3 Điều 170 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP còn báo cáo theo các biểu mẫu: Biểu mẫu 05a/BTP/KTrVB/RSVB (đối với UBND cấp xã); Biểu mẫu 05b/BTP/KTrVB/RSVB (đối với UBND cấp huyện) ban hành theo Thông tư số 03/2019/TT-BTP.

Hoạt động rà soát văn bản quy phạm pháp luật là một trong những tiêu chí chấm điểm cải cách hành chính của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố. Vì vậy, đề nghị Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quy định của pháp luật và hướng dẫn tại Công văn này quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện.

Quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Tư pháp (qua Phòng Xây dựng và Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, điện thoại: 0233. 3555 067) để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban nhân dân tỉnh (để b/c);
- P.Tư pháp các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, XD&KTVBQPPL.



GIÁM ĐỐC

Hoàng Kỳ